TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-PT
Ngày 25 - 02 - 2022
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng

Ông Phạm Trung Thực

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Thư, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Trần Văn Thành, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn và nuôi con.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 28/2021/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Kiều Văn D, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; *"có mặt"*

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1995; HKTT: thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: thôn V, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; *"vắng mặt"*

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 4, ngách 58/44 phố Đ, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội; CCCD số 027080000368 (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 9 năm 2021); *"có mặt"*

2. Ông Lê Anh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 53 ngõ Đ, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội; CCCD số 001087000682 (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 11 năm 2021); *"vắng mặt"*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Kiều Thị Diệu L, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2014; *"có mặt"*

2. Cháu Kiều Duy A, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2017; *"vắng mặt"*

Người giám hộ của cháu L và cháu A: Anh Kiều Văn D, là bố.

Đều địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- *Người làm chứng:* Ông Kiều Văn K, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn anh Kiều Văn D và bị đơn chị Nguyễn Thị G

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Kiều Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị G quen biết, tìm hiểu khoảng 6 tháng thì tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 02 tháng 3 năm 2014, tổ chức đám cưới ngày 14 tháng 02 năm 2014 âm lịch. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh con thứ 2 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc lựa chọn công việc. Anh muốn chị G đi học nghề về tóc để vợ chồng cùng làm và cùng chăm sóc con chung nhưng chị G muốn đi xuất khẩu lao động. Từ tháng 4/2018 chị G tự ý bỏ về nhà ngoại sinh sống và đến tháng 7/2018 thì đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Tháng 6/2021 chị G đã về nước, nhưng vợ chồng không về đoàn tụ. Từ tháng 4/2018 đến nay anh và chị G sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị G.

- Về con chung: Anh và chị G có 02 con chung là cháu Kiều Thị Diệu L, sinh ngày 14/12/2014 và cháu Kiều Duy A, sinh ngày 03/02/2017 đều đang sống cùng anh. Vợ chồng ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi cả hai con chung vì hơn 3 năm qua chị G cùng gia đình chị G không quan tâm, không có trách nhiệm gì với các con và hiện tại các con đang sinh sống, học tập ổn định với anh và gia đình. Nếu được nuôi hai con, anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D xác định giữa anh và chị G không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với hai bên gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Nguyễn Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Kiều Văn D quen biết và tìm hiểu gần 01 năm thì đi đến tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 02/3/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh D sinh sống cùng gia đình anh D tại P, vợ chồng làm nghề về tóc tại cửa hàng trên đất của gia đình. Tháng 3/2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó chị và anh D sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời điểm đó chị đang đi

học tiếng để chuẩn bị đi xuất khẩu lao động, thứ 7 và chủ nhật chị mới được về nhà với con nhưng anh D và bố mẹ anh D có ý ngăn cản không cho chị gần gũi các con làm chị ức chế nên đã về nhà mẹ đẻ. Ngoài ra chị còn nhận thấy anh D không có quan điểm, chính kiến rõ ràng và thường nghe lời bố mẹ đẻ, bỏ qua mọi ý kiến, quan điểm của chị, do vậy đến nay chị cũng xác định giữa chị và anh D không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng nên chị nhất trí ly hôn theo quan điểm, nguyện vọng của anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung đều đang sống cùng bố như anh D trình bày. Chị không trực tiếp nuôi các con là do chị đi xuất khẩu lao động từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2021 thì chị về nước. Trong thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 7/2018 chị đã nhiều lần sang chơi và muốn đón các con về chơi nhưng anh D và gia đình đều ngăn cản, không cho chị đón con về chơi. Thời gian đi xuất khẩu lao động, chị có nhờ bà ngoại và mẹ đẻ sang chơi, mua quà cho các con nhưng anh D và gia đình không cho nhận. Nếu vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh D mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tại buổi hòa giải cuối cùng, chị G xin được nuôi cháu Kiều Duy A vì cháu còn bé, nếu anh D không đồng ý thì chị đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị xác định giữa chị và anh D không có tài sản chung không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với hai bên gia đình nên chị nhất trí quan điểm của anh D là không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 28/2021/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Kiều Văn D và chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Anh D và chị G có 02 con chung là cháu Kiều Thị Diệu L, sinh ngày 14/12/2014 và cháu Kiều Duy A, sinh ngày 03/02/2017. Hiện các con đang ở cả với anh D. Giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Kiều Thị Diệu L cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi. Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Kiều Duy A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh D và chị G không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, anh D và chị G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản: Anh D và chị G đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22 tháng 11 năm 2021 anh Kiều Văn D kháng cáo, yêu cầu tiếp tục giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng.

- Ngày 02 tháng 12 năm 2021 chị Nguyễn Thị G kháng cáo, yêu cầu giao cháu Kiều Duy A cho chị G, giao cháu Kiều Thị Diệu L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu L trình bày nguyện vọng được ở với bố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Kể từ khi thụ ký vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bầy của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kháng cáo chị Nguyễn Thị G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con của nguyên đơn và bị đơn thấy anh D không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị G không đủ điều kiện được nuôi con trong khi sự thừa nhận của anh phù hợp với cung cấp của Trường mầm non xã P đã có căn cứ xác định anh D không tạo điều kiện để chị G thăm và chăm sóc con chung trong thời gian vợ chồng không cùng chung sống nên yêu cầu được nuôi con của chị G là phù hợp thực tế do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo được nuôi cả hai con của anh D. Chị G xin được nuôi cháu A với lý do anh anh D kháng cáo xin nuôi hai con sẽ không đồng ý để chị được đón cháu L theo quyết định của Tòa án, tuy nhiên do cháu A còn nhỏ và

đã sống cùng anh D từ nhỏ nên cần sự ổn định về cuộc sống, tinh thần trong khi chính chị G cũng thừa nhận cháu L là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn nên tại phiên tòa sơ thẩm chị đã đề nghị được nuôi cháu L nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị G.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh D và chị G kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Kiều Văn D và chị Nguyễn Thị G, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 28/2021/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 81, Điều 82, Điều 83, và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử

Về con chung: Giao anh Kiều Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là Kiều Duy A, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2017.

Giao chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là Kiều Thị Diệu L, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2014.

Anh Kiều Văn D và chị Nguyễn Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh D, chị G thực hiện quyền này; nếu anh D, chị G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của người đó.

Công nhận sự tự nguyện của anh Kiều Văn D và chị Nguyễn Thị G chưa yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung; trên cơ sở lợi ích của con, anh D, chị G có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Anh Kiều Văn D, chị Nguyễn Thị G hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Án phí: Anh Kiều Văn D, chị Nguyễn Thị G mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mỗi người đã nộp theo Biên lai số 0001078 ngày 23 tháng 11 năm 2021 và Biên lai số 0001085 ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; anh D và chị G đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quang Tú